

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải số 07/2005/
QĐ-BGTVT ngày 07/01/2005
ban hành Quy chế quản lý hoạt
động của cảng, bến thủy nội
địa.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy
nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP
ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ
quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao
thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp
chế và Cục trưởng Cục Đường sông Việt
Nam,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết

định này Quy chế quản lý hoạt động của
cảng, bến thủy nội địa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực
sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo
và thay thế các văn bản quy phạm pháp
luật sau đây:

1. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải số 2046/QĐ-PC ngày 06
tháng 8 năm 1996 ban hành Thể lệ Quản
lý cảng, bến thủy nội địa;

2. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải số 3809/1999/QĐ-BGTVT
ngày 30 tháng 12 năm 1999 về sửa đổi
một số điều của Thể lệ Quản lý cảng, bến
thủy nội địa ban hành theo Quyết định
số 2046/QĐ-PC;

3. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải số 1211/1999/QĐ-BGTVT
ngày 20 tháng 5 năm 1999 về Quản lý
bến khách ngang sông.

Điều 3. Cục Đường sông Việt Nam tổ
chức thực hiện và kiểm tra việc thực
hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh
Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,
Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục
Đường sông Việt Nam, Giám đốc các Sở
Giao thông vận tải, Sở Giao thông công
chính, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức
và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

Đào Đình Bình

QUY CHẾ quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa

(ban hành kèm theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và hoạt động của phương tiện thủy tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

2. Cảng, bến thủy nội địa bao gồm cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách và bến khách ngang sông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; sử dụng phương tiện thủy hoặc thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến cảng, bến thủy nội địa trừ cảng, bến thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; cảng cá, bến cá; bến phà.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cảng, bến hàng hóa* là cảng, bến thủy nội địa chuyên xếp dỡ hàng hóa,

vật tư và thực hiện các dịch vụ khác (nếu có).

2. *Cảng, bến hành khách* là cảng, bến thủy nội địa chuyên đưa, đón hành khách lên xuống phương tiện chở khách và thực hiện các dịch vụ khác (nếu có).

3. *Bến khách ngang sông* là bến thủy nội địa chuyên phục vụ vận tải hành khách ngang sông.

4. *Luồng vào cảng, bến* là luồng nối từ luồng chạy tàu thuyền đến vùng nước trước cầu cảng, bến thủy nội địa.

5. *Vùng nước cảng thủy nội địa* là các vùng nước trước cầu cảng, vùng neo đậu phương tiện và luồng vào cảng, vùng nước giành cho dịch vụ cung ứng, vùng chuyển tải hàng hóa (nếu có).

6. *Vùng nước bến thủy nội địa* là các vùng nước trước bến và vùng neo đậu phương tiện, luồng vào bến (nếu có).

7. *Phương tiện thủy* là các loại phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam và phương tiện thủy nội địa, tàu biển nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

8. *Phương tiện thủy nước ngoài* là phương tiện thủy nội địa, tàu biển do nước ngoài cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

9. *Chủ cảng, bến* là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa hoặc được chủ đầu tư giao quản lý cảng, bến thủy nội địa.

10. *Chủ khai thác cảng, bến* là tổ chức,

cá nhân sử dụng cảng, bến thủy nội địa để kinh doanh, khai thác.

11. *Vùng đón trả hoa tiêu* là vùng nước được cơ quan có thẩm quyền công bố để phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển Việt Nam neo đậu đón trả hoa tiêu.

Điều 4. Điều kiện hoạt động đối với cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách

1. Đối với cảng, bến hàng hóa:

a) Không nằm trong khu vực cấm xây dựng theo quy định của pháp luật; phù hợp với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; vị trí cảng, bến có địa hình, thủy văn ổn định, phương tiện ra vào an toàn thuận lợi;

b) Vùng nước cảng, bến không chồng lấn với luồng chạy tàu thuyền;

c) Công trình cầu cảng bảo đảm tiêu chuẩn an toàn; luồng vào cảng, bến (nếu có) phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật luồng theo quy định;

d) Lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định;

đ) Thiết bị xếp dỡ (nếu có) phải đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và phù hợp với kết cấu của cầu cảng hoặc sức chịu lực của công trình bến;

e) Đối với cảng, bến chuyên xếp dỡ hàng nguy hiểm, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ Khoản này còn phải thực hiện

các quy định của pháp luật liên quan đối với hàng nguy hiểm;

g) Được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Quy chế này công bố cảng hoặc cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

2. Đối với cảng, bến hành khách:

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm g khoản 1 Điều này;

b) Có cầu cho hành khách lên xuống an toàn, có nhà chờ, nội quy cảng, bến và bảng niêm yết giá vé.

Điều 5. Điều kiện hoạt động đối với bến khách ngang sông

1. Không nằm trong khu vực cấm xây dựng theo quy định của pháp luật; phù hợp với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; vị trí bến có địa hình, thủy văn ổn định, phương tiện ra vào an toàn thuận lợi.

2. Có cầu cho người, phương tiện giao thông đường bộ lên xuống an toàn, thuận tiện; có trang thiết bị cho phương tiện neo buộc, có đèn chiếu sáng nếu hoạt động ban đêm. Đối với bến khách ngang sông mà phương tiện vận tải hành khách ngang sông được phép chở ô tô thì công trình bến phải áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của bến phà.

3. Lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

4. Có nhà chờ, bảng nội quy, bảng niêm yết giá vé.

5. Được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Quy chế này cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

Chương II

CÔNG BỐ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA, CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 6. Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa, cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, cảng hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

2. Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam công bố cảng thủy nội địa, tổ chức thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đối với các cảng, bến hàng hóa, cảng, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

3. Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính:

a) Công bố cảng thủy nội địa, tổ chức thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đối với cảng, bến hàng hóa, cảng, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;

b) Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động đối với bến khách ngang sông thuộc địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Trường hợp một tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nhiều cảng, bến thủy nội địa trên cùng một khu đất thuộc quyền sử dụng của chính tổ chức, cá nhân đó, nhưng vừa có cảng, bến thuộc đường thủy nội địa quốc gia vừa có cảng, bến thuộc đường thủy nội địa địa phương thì những cảng, bến thuộc đường thủy nội địa địa phương (trừ bến khách ngang sông) cũng do Cục Đường sông Việt Nam công bố hoặc cấp Giấy phép hoạt động.

Điều 7. Trình tự, thủ tục công bố cảng hàng hóa, cảng hành khách

1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

a) Ngoài thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải gửi cơ quan có thẩm quyền công bố cảng Tờ trình về đầu tư xây dựng cảng, nội dung bao gồm: Dự kiến quy mô và địa điểm xây dựng, mục đích sử dụng, phạm vi vùng nước, luồng vào cảng, loại phương tiện thủy lớn nhất được phép tiếp nhận, phương án khai thác, vùng đón trả hoa tiêu (đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).

b) Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình quy định tại điểm a Khoản này, cơ quan có thẩm quyền công bố cảng xem xét, nếu bảo đảm điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 4 của Quy chế này

thì có ý kiến chấp thuận bằng văn bản để chủ đầu tư tiến hành các thủ tục về đầu tư xây dựng; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, Bộ Giao thông vận tải xin ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trước khi có văn bản trả lời chủ đầu tư.

2. Giai đoạn thực hiện dự án:

Trước khi thi công xây dựng cảng, chủ đầu tư nộp cơ quan có thẩm quyền công bố cảng bản sao quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình cảng, bình đồ vùng nước cảng, thiết kế lắp đặt báo hiệu xác định vùng nước cảng và phương án bảo đảm an toàn giao thông khi thi công. Trong quá trình thi công nếu thay đổi những nội dung đã được duyệt phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thủ tục công bố cảng:

a) Đối với cảng không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Sau khi hoàn thành việc xây dựng cảng, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa theo mẫu số 1 phần Phụ lục của Quy chế này;

- Bản sao Quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

- Bản sao giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

- Văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có).

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi);

- Các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu cảng chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố cảng xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 1 (trừ điểm g) Điều 4 đối với cảng hàng hóa hoặc thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 2 (trừ điểm g khoản 1) Điều 4 của Quy chế này đối với cảng hành khách thì công bố cảng thủy nội địa theo mẫu số 2 phần Phụ lục của Quy chế này.

b) Đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị công bố

cảng thủy nội địa đến Cục Đường sông Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính.

Cục Đường sông Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính thẩm tra hồ sơ và có văn bản trình Bộ Giao thông vận tải kèm theo hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa.

Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Cục Đường sông Việt Nam hoặc của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Bộ Giao thông vận tải xem xét, công bố cảng thủy nội địa.

c) Trường hợp cảng mới được xây dựng hoàn thành một phần công trình và chủ đầu tư cần đưa vào sử dụng thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố phần công trình đã hoàn thành theo thủ tục quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

d) Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ các đặc điểm về quy mô công trình, thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa.

Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đối với bến hàng hóa, bến hành khách

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến hàng hóa, bến hành khách gửi Cơ quan có thẩm quyền đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu số 3 phần Phụ lục của Quy chế này.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền xem xét, nếu đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 của Quy chế này thì ghi ý kiến chấp thuận vào đơn, trả lại tổ chức, cá nhân xin mở bến để thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật và tiến hành việc gia cố bến; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Sau khi hoàn thành công việc nêu tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân xin mở bến gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa;

b) Bản sao giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

c) Sơ đồ vùng nước bến và luồng vào bến (nếu có) có xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa về việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa;

d) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với phao nổi (nếu sử dụng phao nổi);

đ) Các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định,

cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, nếu thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 (trừ điểm g) Điều 4 đối với bến hàng hóa hoặc thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 2 (trừ điểm g khoản 1) Điều 4 của Quy chế này đối với bến hành khách thì cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa cho chủ bến theo mẫu số 4 phần Phụ lục của Quy chế này.

3. Đối với những bến có vùng nước liên kề nhau (gọi là cụm bến), các tổ chức, cá nhân xin mở bến có thể thỏa thuận bằng văn bản cử đại diện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa cho cụm bến đó theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên cơ sở một đơn xin cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, một sơ đồ vùng nước và một hệ thống báo hiệu xác định vùng nước chung cho cả cụm bến.

4. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ thời hạn sử dụng đất, đặc điểm địa chất thủy văn, chất lượng công trình gia cố bến, mục đích sử dụng (thời vụ hay thường xuyên) để quy định thời hạn của Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa nhưng không quá 3 năm.

Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến khách ngang sông gửi cơ quan có thẩm quyền hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông, có xác nhận

của Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi mở bến theo mẫu số 5 phần Phụ lục của Quy chế này;

b) Văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận vị trí bến bảo đảm các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này;

c) Bản thiết kế công trình bến theo tiêu chuẩn cấp kỹ thuật bến phà, đối với bến có phương tiện vận tải ngang sông được phép chở ô tô.

Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền xem xét nếu chấp thuận thì ghi ý kiến bằng văn bản gửi tổ chức, cá nhân xin mở bến để tiến hành các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật và xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị an toàn, hệ thống báo hiệu theo quy định.

2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, chủ bến khách ngang sông có thể trực tiếp kinh doanh khai thác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác thuê để kinh doanh, khai thác.

Chủ khai thác bến khách ngang sông phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Quy chế này cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định;

b) Bản sao giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận tải hành khách ngang sông;

đ) Bản sao bằng, chứng chỉ chuyên môn của người điều khiển phương tiện vận tải hành khách ngang sông;

e) Bản nghiệm thu hoàn công công trình bến có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về đầu tư xây dựng, đối với bến có phương tiện vận tải hành khách ngang sông được phép chở ô tô;

g) Hợp đồng thuê bến (trừ trường hợp chủ khai thác bến đồng thời là chủ bến).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản này, cơ quan có thẩm quyền xem xét, nếu thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Quy chế này thì cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông cho chủ khai thác bến theo mẫu số 6 phần Phụ lục của Quy chế này.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép căn cứ thời hạn sử dụng đất, đặc điểm địa chất thủy văn nơi đặt bến, chất lượng công trình bến và thời hạn hợp đồng thuê bến (nếu là bến thuê) để quy định thời hạn của Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trên cơ sở đề nghị của chủ khai thác bến.

Điều 10. Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa, cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

1. Đối với cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách:

a) Khi Quyết định công bố cảng thủy nội địa hoặc Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hết hạn thì chủ cảng, bến có đơn đề nghị công bố lại hoặc cấp phép lại gửi cơ quan có thẩm quyền đã công bố cảng hoặc cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Trường hợp các chỉ tiêu quy định trong Quyết định công bố cảng hoặc Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa không thay đổi thì Đơn đề nghị công bố, cấp phép lại ghi rõ tình trạng cảng, bến không thay đổi so với hồ sơ đã gửi lần trước.

Trường hợp các chỉ tiêu nói trên có thay đổi thì Đơn đề nghị công bố, cấp phép lại ghi rõ những thay đổi so với hồ sơ đã nộp lần trước, kèm theo các giấy tờ về những thay đổi này (nếu có).

b) Trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn, chủ cảng, bến phải thực hiện theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Quy chế này đối với phần xây dựng bổ sung.

c) Trường hợp phân chia, sáp nhập cảng, bến, chủ cảng, bến có đơn gửi Cơ quan có thẩm quyền đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa hoặc cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa kèm theo những giấy tờ sau:

- Quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập cảng, bến thủy nội địa;

- Những giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 7 (đối với cảng hàng hóa hoặc cảng hành khách) hoặc khoản 2, khoản 3 Điều 8 (đối với bến hàng hóa hoặc bến hành khách) Quy chế này của các phần được phân chia, sáp nhập.

d) Trường hợp chuyển quyền sở hữu, chủ cảng, bến có đơn gửi Cơ quan có thẩm quyền đề nghị công bố lại hoặc cấp phép lại kèm theo các văn bản hợp pháp về chuyển nhượng tài sản theo quy định của pháp luật.

Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ Khoản này, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công bố lại hoặc cấp lại giấy phép mới cho chủ cảng, bến. Trường hợp không chấp nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Đối với bến khách ngang sông:

Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này và do chủ khai thác bến thực hiện. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo các giấy tờ tương ứng với từng trường hợp.

Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các giấy tờ quy

định tại Khoản này, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép mới cho chủ khai thác bến. Trường hợp không chấp nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Điều 11. Quyết định đóng, đình chỉ hoạt động có thời hạn cảng, bến thủy nội địa

1. Cơ quan có thẩm quyền đã công bố cảng hoặc cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa có quyền ra quyết định đóng cảng, bến thủy nội địa (theo mẫu số 7 phần Phụ lục của Quy chế này) khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

a) Điều kiện về địa hình, thủy văn biến động không bảo đảm an toàn cho hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

b) Chủ cảng, bến chấm dứt hoạt động.

2. Cơ quan có thẩm quyền đã công bố cảng hoặc cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa (theo mẫu số 8 phần Phụ lục của Quy chế này) khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Công trình cảng, bến thủy nội địa xuống cấp không bảo đảm điều kiện an toàn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 (đối với cảng, bến hàng hóa) hoặc điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 (đối với cảng, bến hành khách) hoặc khoản 2 Điều 5 (đối với bến khách ngang sông) Quy chế này;

b) Chủ khai thác cảng, bến thủy nội địa có hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông bị đình chỉ hoạt động theo

quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TẠI VÙNG NƯỚC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Mục 1. THỦ TỤC PHƯƠNG TIỆN THỦY VÀO VÀ RỜI VÙNG NƯỚC CẢNG, BẾN HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH

Điều 12. Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào và rời cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách

1. Trước khi phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có trách nhiệm nộp hoặc xuất trình Cảng vụ đường thủy nội địa (sau đây gọi là Cảng vụ) hoặc Ban quản lý bến các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ nộp:

- Giấy phép rời cảng, bến cuối cùng;
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;
- Sổ Danh bạ thuyền viên.

b) Giấy tờ xuất trình:

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên trên phương tiện;

- Giấy tờ liên quan đến hàng hóa hoặc hành khách (nếu phương tiện chở hàng hóa, hành khách).

Sau khi kiểm tra các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến kiểm tra thực tế nếu bảo đảm các điều kiện an toàn theo quy định thì cấp Giấy phép vào cảng, bến cho phương tiện theo mẫu số 9 phần Phụ lục của Quy chế này.

2. Trước khi phương tiện rời cảng, bến, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có trách nhiệm xuất trình Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ liên quan đến hàng hóa hoặc hành khách (nếu phương tiện nhận hàng hóa, hành khách tại cảng, bến);

b) Chứng từ xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật;

c) Giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này (nếu có).

Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến kiểm tra thực tế phương tiện, nếu bảo đảm các điều kiện an toàn thì thu hồi Giấy phép vào cảng bến, trả lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, sổ danh bạ thuyền viên mà thuyền trưởng đã nộp khi làm thủ tục vào cảng, bến và cấp Giấy phép rời

cảng, bến cho phương tiện theo mẫu số 10 phần Phụ lục của Quy chế này.

Điều 13. Thủ tục đối với phương tiện thủy nước ngoài và tàu biển Việt Nam vào và rời cảng, bến thủy nội địa

Phương tiện thủy nước ngoài và tàu biển Việt Nam khi vào và rời cảng thủy nội địa thực hiện thủ tục theo quy định hiện hành của pháp luật hàng hải đối với tàu thuyền khi vào và rời cảng biển.

Mục 2. CHẾ ĐỘ HOA TIÊU

Điều 14. Chế độ hoa tiêu bắt buộc

Phương tiện thủy nước ngoài khi hoạt động trên đường thủy nội địa hoặc vào và rời cảng, bến thủy nội địa bắt buộc phải có hoa tiêu dẫn đường. Phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam khi vào và rời cảng, bến thủy nội địa có thể yêu cầu hoa tiêu dẫn đường nếu thấy cần thiết.

Điều 15. Yêu cầu về thời gian cung cấp hoa tiêu dẫn đường

1. Trừ các trường hợp khẩn cấp phải xin hoa tiêu dẫn đường để phòng ngừa tai nạn, việc yêu cầu hoa tiêu phải thông báo cho Cảng vụ và tổ chức hoa tiêu liên quan chậm nhất 06 giờ trước khi dự kiến đón hoa tiêu.

2. Nếu sau khi xin hoa tiêu mà muốn thay đổi giờ đón hoa tiêu hoặc hủy bỏ việc xin hoa tiêu, thì phải báo cho Cảng vụ và tổ chức hoa tiêu liên quan biết ít

nhất 03 giờ trước thời điểm dự kiến đón hoa tiêu lên tàu.

3. Hoa tiêu có trách nhiệm chờ đợi tại địa điểm đã thỏa thuận không quá 04 giờ kể từ thời điểm đã dự kiến đón hoa tiêu lên tàu, nếu quá thời hạn này thì việc xin hoa tiêu coi như bị hủy bỏ và thuyền trưởng phải trả tiền chờ đợi hoa tiêu theo quy định.

4. Chậm nhất 01 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu xin hoa tiêu, tổ chức hoa tiêu phải xác báo lại cho Cảng vụ, chủ tàu hoặc đại lý của chủ tàu về địa điểm và thời gian dự kiến hoa tiêu sẽ lên tàu. Nếu hoa tiêu lên tàu chậm so với thời gian và sai địa điểm đã xác báo mà buộc tàu phải chờ đợi hoặc di chuyển đến địa điểm khác thì tổ chức hoa tiêu đó phải trả tiền chờ đợi của tàu theo quy định.

Mục 3. HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY TẠI VÙNG NƯỚC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 16. Xử lý tai nạn trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa

1. Việc cứu người và phương tiện thủy bị tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa là nghĩa vụ bắt buộc đối với thuyền trưởng, người lái phương tiện và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động tại cảng, bến.

2. Khi phát hiện tai nạn hoặc nguy cơ xảy ra tai nạn, thuyền trưởng hoặc người

lái phương tiện bị nạn phải lập tức phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và tiến hành ngay các biện pháp cứu người, tài sản, đồng thời báo cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Cảng vụ có quyền huy động mọi lực lượng, trang thiết bị của cảng, bến và các phương tiện hiện có trong khu vực để cứu trợ người, tài sản, phương tiện bị nạn. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ chấp hành lệnh điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến để cứu người, tài sản, phương tiện bị nạn.

4. Trường hợp phương tiện bị đắm, sau khi cứu người, tài sản, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện bị đắm phải đặt báo hiệu theo quy định và báo cáo ngay với chủ phương tiện để tiến hành trục vớt. Chủ phương tiện phải tổ chức trục vớt theo thời hạn quy định và chỉ được tiến hành khi đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông được Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến chấp thuận.

5. Trường hợp phương tiện đắm trong vùng nước cảng, bến nhưng chủ phương tiện không trục vớt hoặc trục vớt không đúng quy định thì Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến có quyền tổ chức trục vớt. Chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí, ngoài ra còn bị xử phạt nếu vi phạm các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Điều 17. Trách nhiệm của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện khi

phương tiện thủy hoạt động tại vùng nước cảng, bến hàng hóa; cảng bến hành khách

1. Chỉ được cho phương tiện neo đậu tại những nơi do Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến chỉ định và không được tự ý thay đổi vị trí.

2. Tuân thủ nội quy cảng, bến và các quy định về phòng chống lụt bão; chấp hành lệnh điều động của Cảng vụ trong các trường hợp khẩn cấp.

3. Khi phương tiện bị trôi dạt hoặc bị thay đổi nơi neo đậu do các nguyên nhân khách quan khác, phải tiến hành ngay các biện pháp xử lý thích hợp và báo cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến biết.

4. Khi đã neo đậu an toàn tại các nơi được chỉ định, thuyền trưởng phải phân công thuyền viên trực để duy trì máy móc, trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, động cơ chính của phương tiện luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động để xử lý kịp thời những trường hợp trôi neo, đứt dây, mắc cạn và các sự cố đột xuất khác.

5. Trường hợp phát hiện trên phương tiện thủy có người, động vật mắc bệnh truyền nhiễm hoặc thực vật có khả năng gây bệnh phải báo ngay cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến, các cơ quan chức năng có liên quan và đưa phương tiện neo đậu tại khu vực riêng để có biện pháp xử lý.

6. Trong quá trình xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách phải kiểm tra, chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm

an toàn lao động, nếu phát hiện dấu hiệu không an toàn, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện phải đình chỉ ngay để có biện pháp khắc phục.

7. Phương tiện thủy nước ngoài phải treo quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở đỉnh cột cao nhất từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn; trường hợp muốn treo cờ lễ, cờ tang, kéo còi trong các dịp nghi lễ của nước mình phải thông báo trước cho Cảng vụ.

8. Nghiêm cấm:

a) Tự ý đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi chưa có Giấy phép vào cảng, bến của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến;

b) Sử dụng tín hiệu tùy tiện;

c) Bơm xả nước bẩn, đổ rác thải, các hợp chất có dầu, các loại chất độc khác xuống vùng nước cảng, bến;

d) Cản trở hoặc gây khó khăn cho người thi hành công vụ, thuyền viên của phương tiện thủy khác đi qua phương tiện mình.

Mục 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ CẢNG, BẾN; CHỦ KHAI THÁC CẢNG, BẾN VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 18. Trách nhiệm của chủ cảng, bến thủy nội địa

1. Thực hiện thủ tục đề nghị công bố cảng, cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo quy định tại Điều 7, Điều 8, khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

2. Trường hợp cho thuê cảng, bến thủy nội địa, phải ký kết hợp đồng với chủ khai thác cảng, bến theo quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết.

3. Trường hợp chấm dứt hoạt động, chủ cảng, bến hàng hóa; chủ cảng, bến hành khách phải thông báo cho cơ quan thẩm quyền công bố cảng hoặc cấp Giấy phép hoạt động bến biết để ra quyết định đóng cảng, bến thủy nội địa.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ khai thác cảng, bến thủy nội địa

1. Đối với chủ khai thác cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách:

a) Duy trì điều kiện an toàn công trình cảng, bến theo quy định;

b) Không xếp hàng hóa hoặc đón trả hành khách xuống phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật, không đủ giấy tờ quy định;

c) Không xếp hàng hóa quá kích thước hoặc quá trọng tải cho phép, nhận hành khách quá số lượng quy định;

d) Cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn; báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết; khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường (nếu có);

đ) Chấp hành các quy định phòng

chống lụt bão và giữ gìn vệ sinh môi trường;

e) Người điều khiển thiết bị xếp dỡ phải có chứng chỉ chuyên môn theo quy định;

g) Không xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách cho phương tiện chưa có Giấy phép vào cảng, bến do Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến cấp;

h) Tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong việc cứu người, hàng hóa, phương tiện khi có tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa và trong việc phòng chống lụt bão;

i) Tạo điều kiện và phối hợp với Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong vùng nước cảng, bến;

k) Chịu sự kiểm tra, giám sát và xử lý của cơ quan có thẩm quyền về kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông.

2. Đối với chủ khai thác bến khách ngang sông:

a) Thực hiện trách nhiệm nêu tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm k khoản 1 Điều này;

b) Không sử dụng phương tiện không bảo đảm điều kiện an toàn kỹ thuật, không đủ giấy tờ theo quy định; người lái phương tiện không có bằng, chứng chỉ chuyên môn hoặc có bằng, chứng chỉ chuyên môn không phù hợp;

c) Thống nhất với chủ khai thác bến

ngang sông trên bờ đối diện thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo quy định; thống nhất phương án điều hành, giá cước vận tải (nếu Nhà nước không quy định) để bảo đảm tính đồng bộ của tuyến vận tải hành khách ngang sông và trật tự an toàn trong quá trình khai thác;

d) Trường hợp chấm dứt hoạt động phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến biết để ra quyết định đóng bến thủy nội địa.

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khảo sát, thi công công trình, trục vớt phương tiện chìm đắm hoặc làm các công việc khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa

1. Chấp hành các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa và giữ gìn vệ sinh môi trường.

2. Chấp hành sự điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong trường hợp khẩn cấp cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn hoặc khi có bão lũ.

3. Khi khảo sát, thi công công trình hoặc trục vớt phương tiện chìm đắm phải có phương án bảo đảm an toàn được sự thống nhất của chủ khai thác cảng, bến và Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Đường sông Việt Nam

1. Xây dựng quy hoạch cảng thủy nội địa đầu mối trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

2. Công bố, đóng, đình chỉ có thời hạn hoạt động của cảng thủy nội địa; tổ chức thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động, đóng, đình chỉ hoạt động có thời hạn bến thủy nội địa quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 và Điều 11 Quy chế này.

3. Thụ lý hồ sơ công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố.

4. Hướng dẫn việc lập bình đồ vùng nước cảng, sơ đồ vùng nước bến, phương án khai thác, lắp đặt báo hiệu giới hạn vùng nước cảng, bến hàng hóa, cảng hành khách theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

5. Ban hành mẫu danh bạ cảng, bến thủy nội địa, mẫu báo cáo định kỳ áp dụng thống nhất trong cả nước.

6. Lập danh bạ cảng, bến hàng hóa, cảng, bến hành khách do Bộ Giao thông vận tải và Cục Đường sông Việt Nam công bố, cấp Giấy phép hoạt động.

7. Tiếp nhận báo cáo của các địa phương, tổng hợp, theo dõi công tác quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa của các địa phương.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính

1. Xây dựng quy hoạch cảng, bến thủy nội địa của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Công bố, đóng, đình chỉ có thời hạn hoạt động của cảng thủy nội địa; tổ chức thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động, đóng, đình chỉ hoạt động có thời hạn bến thủy nội địa quy định tại khoản 3 Điều 6 và Điều 11 Quy chế này.

3. Thụ lý hồ sơ công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố.

4. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Quy chế này đối với các cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở.

5. Lập danh bạ cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý; định kỳ hàng quý, năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Đường sông Việt Nam).

6. Đối với công tác quản lý bến khách ngang sông ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này còn có trách nhiệm:

a) Xây dựng phương án tổ chức quản lý bến khách ngang sông và hướng dẫn bộ phận quản lý giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn;

b) Đối với những bến khách ngang sông nằm trên sông, kênh là địa giới hành chính giữa hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phối hợp và thống nhất với Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính có liên quan thực hiện thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bến theo quy định để bảo đảm tính đồng bộ của tuyến vận chuyển ngang sông và trật tự an toàn giao thông trong quá trình khai thác;

c) Đối với bến khách ngang sông nằm xa trụ sở làm việc của Sở hoặc nằm trên các tuyến đường thủy nội địa có mật độ giao thông thấp, có thể đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền việc cấp phép cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 23. Hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa, Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Quyết định số 2046/QĐ-PC và Quyết định số 3809/1999/QĐ-BGTVT

Quyết định công bố cảng thủy nội địa và Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đã cấp cho các chủ cảng, bến theo Quyết định số 2046/QĐ-PC ngày 6 tháng 8 năm 1996 và Quyết định số 3809/1999/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có giá trị đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định hoặc Giấy phép đó.

Điều 24. Thời hạn cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông

1. Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày Quy

chế này có hiệu lực, các chủ khai thác bến khách ngang sông phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này, kể cả những bến đã có Quyết định mở bến theo quy định tại Quyết định số 1211/1999/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với bến có khả năng chở ô tô qua sông đã có Quyết định mở bến theo quy định tại Quyết định số 1211/1999/QĐ-BGTVT nhưng phương tiện vận tải ngang sông chưa bảo đảm tiêu chuẩn chở ô tô và công trình bến chưa bảo đảm tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của bến phà thì trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, phải thực hiện việc cải tạo, nâng cấp để phương tiện bảo đảm tiêu chuẩn chở ô tô và bến đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của bến phà theo quy định.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Chủ cảng, bến; chủ khai thác cảng, bến; chủ phương tiện thủy; thuyền trưởng, người lái phương tiện thủy và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan vi phạm Quy chế này, tùy mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình

PHẦN PHỤ LỤC

Mẫu số 1: Đơn đề nghị Công bố cảng thủy nội địa.

Mẫu số 2: Quyết định Công bố cảng thủy nội địa.

Mẫu số 3: Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

Mẫu số 4: Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

Mẫu số 5: Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

Mẫu số 6: Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

Mẫu số 7: Quyết định đóng cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu số 8: Quyết định đình chỉ tạm thời hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu số 9: Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu số 10: Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu số 11: Lệnh điều động phương tiện thủy.

Tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài vào cảng thủy nội địa sử dụng các mẫu biểu theo quy định của pháp luật hàng hải đối với tàu thuyền vào cảng biển, trong đó các cụm từ Cảng vụ Hàng hải được thay bằng Cảng vụ đường thủy nội địa.

Mẫu số 1**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....,ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân (4)

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại:.....số FAX.....

Đề nghị được công bố Cảng (2).....

Vị trí cảng (3): từ km thứ.....đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)..... sông , (kênh)

Thuộc xã (phường)....., huyện (quận)

tỉnh (thành phố):

Cảng thuộc loại (5a):

Phạm vi vùng đất sử dụng (6):.....

Phạm vi vùng nước sử dụng (7):

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi...):.....

Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận (8):.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn*Ký và đóng dấu*

Mẫu số 2: Áp dụng với cảng không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /QĐ-ĐS (1)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH
của Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam
về việc công bố cảng

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1)

- Căn cứ Quyết định số 2569/2003/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sông Việt Nam (1);

- Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

- Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa của (4).....

- Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế - Vận tải, Cục Đường sông Việt Nam (1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Nay công bố cảng (2)

Tại vị trí (3)

Của (đơn vị, cá nhân) (4).....

Địa chỉ.....

Số điện thoại..... Số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....

.....ngày..... do (Cơ quan).....

..... cấp

Loại cảng (5)

Cấp kỹ thuật cảng (5b).....

Vùng đất của cảng (6.a)
.....
.....
Kết cấu công trình cảng (6.b):.....
.....
.....
Vùng nước của cảng (theo Bình đồ số cơ quan duyệt.....
....., ngày.....) (7)
.....
.....
Được phép tiếp nhận loại phương tiện thủy (8)
.....
.....

Điều 2 .

Trong quá trình khai thác,(tên đơn vị, cá nhân) có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:

1.
2.

Điều 3 .

Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực (1).... chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng và thu các khoản phí và lệ phí theo quy định.

Điều (9)

Điều

Quyết định này có giá trị từ ngày..... đến ngày.....

Điều ... (Điều cuối cùng) (1)

Quyết định này có hiệu lực kể từ Các ông Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế - Vận tải; Trưởng các phòng có liên quan; Giám đốc Đoạn Quản lý đường sông; Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa; Chủ cảng.....; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận (10):

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1)

- Như Điều(Điều cuối cùng);

Ký và đóng dấu

- Lưu Văn phòng, PC-VT

Ghi chú mẫu số 1 và 2:

- (1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp.
- (2) Ghi tên cảng được công bố.
- (3) Ghi rõ cảng nằm từ km thứ..... đến km thứ..... (lý trình) phía bờ (phải hay trái) của sông (kênh)..... thuộc xã (phường)..... huyện (quận, thị xã)..... tỉnh (Thành phố)
- Đối với các cảng trên hồ, vịnh ... không xác định vị trí theo lý trình thì có thể xác định vị trí theo tọa độ.
- (4) Ghi rõ tên Chủ cảng (đơn vị Chủ đầu tư xây dựng cảng);
- (5a) Ghi rõ là cảng hành khách hay cảng hàng hóa. Nếu là cảng hàng hóa cần ghi rõ là hàng hóa thông thường, hàng xăng dầu
- (5b) Ghi cấp kỹ thuật cảng theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật cảng thủy nội địa, tiêu chuẩn bến thủy nội địa;
- (6.a) Ghi phạm vi vùng đất sử dụng theo các giấy tờ về sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- (6.b) Ghi rõ những đặc điểm của cầu tàu và các công trình thiết yếu khác.
- (7) Ghi rõ chiều dài, rộng vùng nước trước cầu cảng, vùng phương tiện neo đậu, luồng vào cảng (nếu cảng nằm xa luồng chạy tàu thuyền) và các vùng nước giành cho dịch vụ cung ứng, chuyển tải hàng hóa (nếu có) tổng diện tích mặt nước (m^2) sử dụng theo bình đồ được Cơ quan có thẩm quyền duyệt.
- (8) Ghi rõ loại phương tiện thủy lớn nhất mà cảng có khả năng tiếp nhận như: Phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài...; mớn nước đầy tải của phương tiện lớn nhất mà cảng có khả năng tiếp nhận (ghi kèm cao độ mức nước tương ứng). Tùy đặc điểm cụ thể về độ sâu vùng nước, chiều dài cầu tàu, loại thiết bị bốc xếp... của từng cảng có thể ghi thêm những số liệu khác như: trọng tải, chiều dài chiều rộng của loại phương tiện lớn nhất được phép vào cảng.
- (9) : Ghi những nội dung cần thiết tùy theo đặc thù của mỗi cảng, nếu có;
- (10) Nơi nhận, ngoài đối tượng nêu trong Điều cuối cùng, cần gửi các cơ quan sau:
 - Cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan ra Quyết định để báo cáo;
 - Cục Đường sông VN để theo dõi (nếu Quyết định không do Cục ĐSVN ban hành);
 - Cục Hàng hải VN, nếu là cảng tiếp nhận tàu biển, để phối hợp.

Mẫu số 3:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân: (3)

Địa chỉ: (4)

Số điện thoại:.....số FAX

Làm đơn đề nghị được cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa: (2)

Vị trí bến: (5) từ km thứ..... đến km thứ.....

trên bờ (phải hay trái).....sông (kênh)

thuộc xã (phường)....., huyện (quận).....

tỉnh (thành phố)

Bến thuộc loại: (6)

Bến được sử dụng để: (7)

Phạm vi vùng nước sử dụng (8).

- Chiều dài:mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng:.....mét, từ mép bờ trở ra.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước (9)

.....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày đến ngày.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Người làm đơn

Ký tên

Mẫu số 4: Áp dụng cho bến xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP

HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Số:...../GPBTNĐ

CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1)

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa, xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của ông (bà), nay cho phép hoạt động Bến thủy nội địa (2):.....

Của (đơn vị, cá nhân) (3):

Địa chỉ (4):

Vị trí bến (5) từ km thứ đến km thứ

bên bờ (phải, trái)..... của sông

Thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố)

Loại bến (6)

Mục đích sử dụng (7)

Phạm vi vùng nước (Sơ đồ số, do..... duyệt ngày.....)

- Chiều dài:.....mét, kể từ:.....dọc theo bờ về phía: (thượng, hạ lưu).....

- Chiều rộng:.....mét, kể từ:..... trở ra phía sông.(8)

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy (9):

Thời hạn hoạt động: Từ ngày..... đến ngày.....

Trong thời gian hoạt động chủ bến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và các quy định pháp luật khác có liên quan.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép

Ký tên và đóng dấu

Ghi chú Mẫu số 3 và 4

I. Kích thước Giấy phép (kích thước khung): 15 x 20 cm

II. Nội dung các mục:

- (1) Ghi rõ tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép.
- (2) Ghi tên bến.
- (3) Ghi tên chủ bến.
- (4) Ghi địa chỉ của trụ sở chính. Có thể ghi thêm số điện thoại, số FAX, E-mail để tiện liên hệ.
- (5) Ghi rõ bến nằm từ km thứ.....đến km thứ thuộc bờ (phải hay trái) của sông (kênh) nào, thuộc xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố) nào. (có thể ghi theo tọa độ nếu bến không thể xác định vị trí theo lý trình).
- (6) Ghi rõ là bến thông thường, bến nổi hay cụm bến.
- (7) Ghi rõ là bến hành khách hay xếp dỡ hàng hóa thông thường, xếp dỡ xăng dầu hay bến chuyên dùng.
- (8) Ghi rõ chiều dài, chiều rộng vùng nước của bến. Tùy trường hợp có thể ghi thêm cách vật chuẩn mét.
- (9) Ghi môn nước đầy tải của loại phương tiện lớn nhất mà bến có khả năng tiếp nhận và cao độ mực nước tương ứng. Ngoài ra tùy đặc điểm của mỗi bến có thể ghi thêm một số số liệu khác như: trọng tải, chiều dài chiều rộng của loại phương tiện lớn nhất được phép vào bến.

Thí dụ: bến có khả năng tiếp nhận phương tiện thủy nội địa có môn nước đầy tải không quá 1,8 m ứng với mức nước từ + 3,0 m trở lên.

III. Nếu Giấy phép cấp cho cụm bến thì Mục (3) ghi tên người đại diện. Kèm theo giấy phép là danh sách tên các chủ bến trong cụm và số văn bản về quyền sử dụng đất của từng bến theo mẫu sau:

DANH SÁCH CÁC BẾN TRONG CỤM

(kèm theo Giấy phép mở bến thủy nội địa số ngày.....)

Số thứ tự	Họ và tên chủ bến	Địa chỉ	Số văn bản về quyền sử dụng đất	Số Giấy chứng nhận ĐKKD	Ghi chú

Mẫu số 5:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG****Kính gửi:**

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày

do cơ quan: cấp

Làm đơn đề nghị được cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến

Vị trí bến:

- Từ km thứ đến km thứ..... Bên bờ (phải, trái)..... của
sông, thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố).....

Thời hạn xin hoạt động:

Đặc điểm công trình bến:

- Đường dẫn: Vật liệu xây dựng:

Chiều rộng:

Độ dốc:

Số lượng phương tiện thủy:

Trọng tải:

- Số lượng hành khách,

- Loại phương tiện đường bộ được phép chở:

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

Xác nhận của UBND cấp xã**Người làm đơn***Ký tên*

Mẫu số 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP

Hoạt động bến khách ngang sông

Số:...../GPBNS

Ủy ban nhân dân tỉnh

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa, xét đơn và hồ sơ xin cấp Giấy phép mở bến khách ngang sông của ông (bà)....., nay cho phép mở bến khách ngang sông:.....

Của (đơn vị, cá nhân):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày.....

do cơ quan:.....cấp

Vị trí bến: km thứ..... bên bờ (phải, trái)..... của sông

..... thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố).....

.....

Đặc điểm công trình bến:

Đường dẫn: Vật liệu xây dựng:

Chiều rộng:.....

Độ dốc:

Phạm vi vùng nước

- Chiều dài:..... mét, kể từ:.....dọc theo bờ về phía: (thượng, hạ lưu).....

- Chiều rộng:..... mét, kể từ:..... trở ra phía sông.(8)

Bến có khả năng vận chuyển:

- Số lượng hành khách.....

- Loại phương tiện đường bộ lớn nhất được phép chở:

Trong thời gian hoạt động chủ khai thác bến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Giấy phép có hiệu lực từ ngày.....đến ngày.....

.....,ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 7

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐS (1)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
của Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam
về việc đóng cảng, bến thủy nội địa

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1)

Căn cứ Quyết định số 2569/2003/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sông Việt Nam (1);

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Theo đề nghị của..... (2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Chấm dứt hoạt động đối với cảng (hoặc bến).....

Tại vị trí (3)

Của (đơn vị, cá nhân) (4).....

Địa chỉ.....

Lý do:

Điều 2.

Xóa tên cảng (hoặc bến)..... trong danh mục cảng, bến thủy nội địa lưu giữ tại bộ phận quản lý cảng, bến thủy nội địa của Cục Đường sông Việt Nam (1).

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... ;
2. Hủy bỏ Quyết định số....., ngày..... của..... về công bố mở cảng thủy nội địa.....(5).

Điều 4.

Các ông (bà)... (*tên chủ cảng, bến*)...; Giám đốc Cảng vụ (1)..... ; các tổ chức cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VP,....

Ghi chú:

(1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp với cơ quan ban hành Quyết định.

(2) Ghi tên chủ cảng, bến đối với trường hợp chủ cảng, bến chấm dứt hoạt động.

Hoặc tên Cảng vụ hoặc Ban Quản lý bến trực tiếp quản lý cảng, bến đó đối với trường hợp điều kiện về địa hình, thủy văn biến động không bảo đảm an toàn buộc phải đóng cảng, bến.

(3), (4) Như ghi chú Mẫu số 1 và 2

(5) Nếu là bến thủy nội địa thì ghi là “2. Hủy bỏ Giấy phép mở bến thủy nội địa số..... ngày..... tháng..... năm... do..... cấp.”

Mẫu số 8

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐS (1)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

của Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam
về việc đình chỉ có thời hạn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM (1)

Căn cứ Quyết định số 2569/2003/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sông Việt Nam (1);

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Theo đề nghị của..... (2),

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

Đình chỉ hoạt động đối với cảng (hoặc bến)

Tại vị trí

Của (đơn vị, cá nhân)

Địa chỉ.....

Thời hạn đình chỉ hoạt động:..... ngày, kể từ..... đến

Lý do:.....

Điều 2.

Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực (1)..... có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành việc tạm ngừng hoạt động của cảng (hoặc bến)....., xử phạt theo thẩm quyền những hành vi vi phạm Quyết định này.

Điều 3.

Các ông (bà)..... (tên chủ cảng, bến).....; Giám đốc Cảng vụ (1).....; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP,....

Ghi chú:

(1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp với cơ quan ban hành Quyết định.

(2) Ghi tên Cảng vụ hoặc Ban Quản lý bến trực tiếp quản lý cảng, bến đó.

Cục Đường sông Việt Nam (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ ĐTNĐ KHU VỰC (1)... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN
Số:...../GP

GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN
.....

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ (1)

Tên phương tiện:.....
Số đăng ký:
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:
Trọng tải đăng ký:.....(T).....(ghế).....
Trọng tải thực tế:.....(T).....(ghế).....
Loại hàng:
Được vào cảng, bến để:
Trong thời hạn: từ đến.....
..... giờ..... ngày.....

Cho phép phương tiện thủy:..... Số đăng ký:
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:.....
Trọng tải đăng ký:..... Tấn:..... Ghế:.....
Trọng tải thực tế:..... Tấn:..... Ghế:.....
Loại hàng:
Vào cảng, bến để:
Trong thời hạn: từ..... giờ..... ngày..... đến..... giờ..... ngày.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc (1)

..... Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc (1)

Ghi chú:

Giấy này phải được giữ trên PT
trong thời gian PT đậu tại cảng, bến.

Ghi chú

(1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp. Cơ quan cấp Giấy phép vào, rời cảng, bến hoặc ban hành Lệnh điều động là Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục ĐSVN, hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Sở GTVT, Sở GTCC, hoặc Ban Quản lý bến.

Cục Đường sông Việt Nam (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ ĐTNĐ KHU VỰC (1)... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ (1)

Giấy phép rời cảng, bến số:.....
Tên phương tiện:.....
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:.....
Số thuyền viên:.....
Trọng tải đăng ký:.....(T)..... ghế.....
Số hành khách:.....
Loại hàng:.....
Được rời cảng, bến:
giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
Cảng, bến đến:.....

Cho phép phương tiện:.....
Số đăng ký:
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:
Số lượng thuyền viên:
Trọng tải: Tấn Ghế
Loại hàng: Số hành khách.....
Được rời cảng, bến giờ..... ngày..... tháng..... năm
Cảng, bến đến: để
Những điểm lưu ý khi hành trình (luồng lạch; bão, lũ; khi qua cầu và các thông tin cần thiết khác):

Giám đốc (1) *

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc (1)

Ghi chú

(1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp. Cơ quan cấp Giấy phép vào, rời cảng, bến hoặc ban hành Lệnh điều động là Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục ĐSVN, hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Sở GTVT, Sở GTCC, hoặc Ban Quản lý bến.

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:/LDD

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:/LDD

Giám đốc Cảng vụ ĐTNĐ: (1).....

Tên thuyền trưởng:.....

Tên phương tiện:.....

Thực hiện việc khẩn cấp:.....

.....

.....

Tại:

Thời gian: từ..... đến.....

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa,

Yêu cầu phương tiện thủy:.....

Đang neo đậu tại vùng nước cảng, bến:.....

Thực hiện việc khẩn cấp:.....

.....

.....

Tại:

Trong thời gian: từ..... đến.....

Yêu cầu thực hiện nghiêm chỉnh lệnh này.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc (1)

Giám đốc (1)

Ghi chú

(1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp. Cơ quan cấp Giấy phép vào, rời cảng, bến hoặc ban hành Lệnh điều động là Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục ĐSVN, hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Sở GTVT, Sở GTCC, hoặc Ban Quản lý bến.